

Số: 103 /BC-UBND

Tây Ninh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế - xã hội Quý I năm 2019

Thực hiện Công văn số 1510/BKHĐT-TH ngày 12/03/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế - xã hội Quý I/2019;

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

1. Tình hình triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Thủ Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2019, cụ thể đã ban hành:

- Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

- Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2019.

- Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019.

Qua đó, UBND tỉnh đề ra 08 nhiệm vụ giải pháp chủ yếu và giao cụ thể cho các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện. Trong đó, tập trung thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực; chú trọng tăng trưởng chất lượng, bền vững, hiệu quả và sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhóm công tác thực hiện những giải pháp mang tính đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2017-2021.

2. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Quý I năm 2019

2.1. Những kết quả nổi bật



Giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản (giá so sánh 2010) ước thực hiện 6.197 tỷ đồng, đạt 22,9% so với kế hoạch (KH), tăng 0,7% so với cùng kỳ (KH 2019: tăng từ 4% trở lên).

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước thực hiện 20.221 tỷ đồng, đạt 23% so KH, tăng 16,4% so với CK (KH 2019: tăng 14,5% trở lên). Thực hiện tốt công tác điều hòa, cung ứng 624,2 triệu kWh điện, đảm bảo cho sản xuất và sinh hoạt; bán sang Campuchia 28,24 triệu kWh điện.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn ước thực hiện 19.145 tỷ đồng, tăng 10,7% so CK. Doanh thu du lịch đạt 309 tỷ đồng, đạt 28% so KH, tăng 4,5% so với CK. Khách tham quan tại các khu, điểm du lịch là 1,77 triệu lượt, đạt 57% so kế KH, bằng 96% so CK. Thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng, nhiều chủng loại; giá cả tương đối ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Xuất - nhập khẩu: Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 703,1 triệu USD, đạt 13,8% so với KH, giảm 11,2% so với CK (KH 2019: tăng 22%). Kim ngạch nhập khẩu ước thực hiện 750,1 triệu USD, đạt 20,7% so với KH, tăng 19,2% so với CK (KH 2019: tăng 20%).

Đầu tư phát triển trên địa bàn ước thực hiện 5.527 tỷ đồng, tăng 13,8% so với CK, trong đó: Khu vực nhà nước tăng 1,2%; Khu vực dân doanh tăng 12,8% và Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,8% so với CK.

Thu hút đầu tư - Phát triển doanh nghiệp (Tính đến ngày 12/3/2019):

Thu hút đầu tư nước ngoài: Đạt 211,1 triệu USD, tăng 3,5 lần so với CK. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới 10 dự án với vốn đăng ký 116,3 triệu USD; 05 dự án điều chỉnh tăng vốn với vốn tăng 72,7 triệu USD; 05 lượt đăng ký mua cổ phần, góp vốn với số vốn đăng ký là 22,1 triệu USD. Lũy kế đến nay có 301 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 5.971,15 triệu USD.

Thu hút đầu tư trong nước: Đạt 3.595,5 tỷ đồng, tăng 32,7% so với CK. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và chủ trương đầu tư mới 08 dự án với tổng vốn đăng ký 3.859,3 tỷ đồng; 03 dự án điều chỉnh tăng vốn với vốn tăng 357,5 tỷ đồng; 01 lượt điều chỉnh giảm vốn với vốn giảm 621,3 tỷ đồng. Thu hồi 06 dự án với vốn đăng ký 1.213 tỷ đồng. Lũy kế đến nay có 517 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 73.898,3 tỷ đồng.

Phát triển doanh nghiệp: Cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 152 doanh nghiệp (DN) với tổng vốn đăng ký là 1.680,6 tỷ đồng (cùng kỳ 145 DN, 624,2 tỷ đồng). Có 38 DN giải thể với số vốn 81,5 tỷ đồng. Lũy kế đến nay có 5.326 DN, với tổng vốn đăng ký 97.690,2 tỷ đồng.

Tài chính – Tín dụng: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước thực hiện 2.723,67 tỷ đồng, đạt 34% dự toán (Dự toán 2019: 8.000 tỷ đồng), tăng 32,5% so với cùng kỳ, trong đó: thu nội địa 2.247,38 tỷ đồng, đạt 30,6% dự toán, tăng 14,8% so với cùng kỳ. Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 1.873,82 tỷ đồng, đạt 21,3% dự toán (Dự toán 2019: 8.800 tỷ đồng), tăng 19,5% so với CK.

Các hoạt động văn hóa – xã hội

Triển khai công tác y tế trường học giai đoạn 2018 – 2020 trên địa bàn tỉnh. Chương trình Sửa học đường cho trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học giai đoạn 2017 – 2020 có 67,6% trẻ tham gia. Sơ kết học kỳ I, tỷ lệ học sinh khá, giỏi cấp THCS là 51,1% (tăng 0,4% so với CK), cấp THPT là 46,9% (tăng 0,7% so với CK). Toàn tỉnh hiện có 190 trường đạt chuẩn quốc gia. Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 đang được chuẩn bị một cách nghiêm túc, đúng quy định.

Số lượt khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế giảm 12,6% so với CK. Một số bệnh truyền nhiễm tăng so với CK như bệnh tay chân miệng xảy ra 111 ca (tăng 52%), bệnh sốt xuất huyết xảy ra 799 ca (tăng 384%) tăng cao so với nhiều năm, không có ca tử vong. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường được tăng cường, không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

Năm 2019, có 24 nhiệm vụ khoa học công nghệ được phê duyệt, trong đó có 02 nhiệm vụ phê duyệt mới, 21 nhiệm vụ chuyển tiếp và 01 nhiệm vụ cấp quốc gia. Hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa cho 04 DN. Thực hiện kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng đối với 20 cơ sở kinh doanh xăng dầu, kết quả không có cơ sở vi phạm; kiểm định 1.262 phương tiện đo các lĩnh vực (trong đó đạt 1.252 phương tiện đo, không đạt 10 phương tiện đo).

Công tác “Đền ơn, đáp nghĩa”, an sinh xã hội luôn được quan tâm và thực hiện thường xuyên: Đã xây dựng và bàn giao 21 căn nhà Đại đoàn kết; 10 căn nhà tình nghĩa. Cấp 27.103 thẻ BHYT cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số. Kết quả tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018: Số hộ nghèo chung toàn tỉnh là 7.609 hộ, chiếm tỷ lệ 2,54%, giảm 0,94% so với năm 2017.

Tư vấn việc làm và học nghề cho 5.827 lượt lao động; giới thiệu và cung ứng 489 lao động trong nước, tổ chức đưa 183 lao động làm việc ở nước ngoài. Giải quyết trợ cấp thất nghiệp đối với 1.325 lao động, kinh phí 18,6 tỷ đồng. Xảy ra 02 vụ tranh chấp lao động dẫn đến ngừng việc tập thể với 1.187 lao động tham gia¹, hiện nay đã hòa giải thành, công nhân trở lại làm việc.

Tài nguyên – môi trường

Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các loại đất: Đã thực hiện cấp được 85 giấy chứng nhận với tổng diện tích 278,38 ha. Cấp 03 giấy phép thăm dò khoáng sản, 03 giấy phép khai thác khoáng sản, 02 quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản, 17 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, 07 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và 06 giấy phép thăm dò nước dưới đất. Ban hành 69 quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và 02 quyết định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Đã triển khai 02 cuộc kiểm tra (đối với 03 tổ chức) và ban hành 01 quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với 01 tổ chức.

Quốc phòng - an ninh; công tác nội chính

¹ Tại Khu Chế xuất Linh Trung III: 01 vụ và tại KCN Trảng Bàng: 01 vụ.

Thực hiện tốt công tác quân sự - quốc phòng địa phương. Hoàn thành công tác tuyển gọi công dân nhập ngũ ở cả 3 cấp. Tổ chức các hoạt động kỉ niệm 40 năm Chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và cùng quân dân Campuchia chiến thắng chế độ diệt chủng; kỷ niệm 60 năm Ngày Truyền thống Bộ đội Biên phòng (03/3/1959 – 03/3/2019) và 30 năm Ngày Biên phòng toàn dân (03/3/1989 – 03/3/2019).

Về tình hình tội phạm hình sự (từ ngày 16/11/2018 đến ngày 15/02/2019): Phát hiện 377 vụ, tăng 35 vụ so với CK, đã điều tra làm rõ 330 vụ, 520 đối tượng, đạt 87,5%, tăng 12,97% so CK.

Về tình hình tai nạn giao thông (từ ngày 16/12/2018 đến ngày 12/3/2019 của Ban an toàn giao thông tỉnh): Tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 26 vụ, làm chết 13 người, bị thương 28 người, so với CK giảm cả 3 tiêu chí (giảm 53 vụ, giảm 23 người chết, giảm 33 người bị thương). Tai nạn giao thông đường thủy không xảy ra.

Công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia: Lũy kế đến nay đã phân giới được khoảng 228/240 km, xác định được 94/101 vị trí mốc với 102/109 cột mốc và xây dựng hoàn chỉnh được 102/109 cột mốc, xây dựng hoàn thiện 218 mốc (bao gồm 172 mốc phụ và 46 cọc dấu).

Thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thành Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, kể từ ngày 01/01/2019.

Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh trên cơ sở kiện toàn Ban Chỉ đạo về ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Tây Ninh và sáp nhập nhiệm vụ tham mưu về lĩnh vực công nghệ thông tin của Nhóm công tác thực hiện những giải pháp mang tính đột phá để phát triển kinh tế xã hội tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017 - 2021 về thể chế, 4.0 và phát triển nguồn nhân lực theo Chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia về Chính quyền điện tử, do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban.

Thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả các thủ tục hành chính (TTHC) của tất cả các lĩnh vực giải quyết thuộc thẩm quyền của 18 sở, ban, ngành tỉnh tại Trung tâm hành chính công tỉnh. Kết quả giải quyết TTHC (từ 01/01/2019 đến 10/3/2019): số hồ sơ đã giải quyết là 44.983/47.805 hồ sơ, đạt tỷ lệ 91,1% tổng số hồ sơ cần giải quyết, số còn lại đang trong thời gian giải quyết.

2.2. Những tồn tại, hạn chế

Chưa hoàn thành việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 (còn 23,31% kế hoạch vốn chưa phân khai) do một số chủ đầu tư, chủ dự án, huyện, thành phố chưa đăng ký phân khai, chưa cung cấp đầy đủ các hồ sơ để thẩm định.

Công tác xử lý chất thải y tế còn khó khăn do không thu hút được doanh nghiệp tham gia thu gom chất thải, quản lý, vận hành các hệ thống xử lý chất thải

rắn, chất thải lỏng tại các cơ sở y tế công lập. Việc quản lý tình hình phát sinh, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt còn nhiều hạn chế. Chưa có các biện pháp mạnh trong xử lý hành vi vứt rác bừa bãi, không đúng nơi quy định đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình.

Việc tổ chức thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật còn chậm.

Tình trạng đình công, lãn công vẫn còn xảy ra tại khu công nghiệp.

2.3. Nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2019

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP và của UBND tỉnh tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2019 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

- Đẩy nhanh thực hiện các nhiệm vụ của các Nhóm Công tác thực hiện những giải pháp mang tính đột phá để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017 – 2021.

- Khẩn trương hoàn thành phân khai chi tiết các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong tháng 3 năm 2019.

- Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ. Tập trung tháo gỡ, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp nhất là những doanh nghiệp hiện hữu, tăng uy tín của địa phương. Nâng cấp Công dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa điện tử của tỉnh theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Chú trọng đẩy mạnh các hoạt động phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế.

- Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa – xã hội.

- Đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nội địa và trên tuyến biên giới: Tăng cường phối hợp nắm chắc tình hình biên giới, chủ động các biện pháp xử lý kịp thời các tình huống làm ảnh hưởng đến hiện trạng biên giới. Bảo đảm ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tiếp tục kéo giảm tình hình tai nạn giao thông. Phối hợp Ban Chỉ đạo 3 tỉnh Siêm Riệp, Tbong Khmum, Ót Đô Miên Chây sơ kết 18 giai đoạn quy tập hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia. Hoàn thành các thủ tục hồ sơ nâng cấp cửa khẩu Tân Nam – Môn Chay lên thành cửa khẩu quốc tế.

- Về hợp tác phát triển: Sơ kết kết quả thực hiện 01 năm hợp tác với Trường Đại Học Quốc gia TP HCM. Tổ chức hội nghị sơ kết 01 năm về kết quả thực hiện Thỏa thuận hợp tác giữa UBND tỉnh Tây Ninh và Ban hành chính tỉnh Svay Rieng (Campuchia). Tổ chức ký kết chương trình hợp tác về phát triển kinh tế - xã hội với tỉnh Lâm Đồng.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác thi đua khen thưởng và các phong trào thi đua yêu nước, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

(Đính kèm phụ lục và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội tháng 3/2019).

Trên đây là báo cáo một số nội dung về tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế - xã hội Quý I năm 2019 của tỉnh Tây Ninh.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *AV*

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- PTVP, PVP: Long, Nhung;
- PTKTH;
- Lưu: VT.Thảo-PTH

6



Trần Văn Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Phụ lục 2
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2019, DỰ KIẾN MỤC TIÊU NHỮNG THÁNG CÒN LẠI CỦA NĂM 2019

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Ước TH tháng 3/2019	Lũy kế Quý I năm 2019	Tháng 3/2019 so với tháng 3/2018	Lũy kế Quý I năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018	Dự kiến mục tiêu những Quý tiếp theo năm 2019				Ước TH cả năm 2019	Ghi chú	
								Quý II	Quý III	Quý IV				
I	MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐIỀU HÀNH VĨ MÔ													
1	Về thu chi ngân sách nhà nước													
	Chi tiêu Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	8,000	700,00	2,723.67		132.5%	1,900.00				8,000		
	Chi tiêu Chi ngân sách trên địa bàn	"	8,800	1,022.85	1,873.82		119.5%	2,154.61				8,800		
2	Về đầu tư phát triển													
	Tổng vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	26,927		5,527		113.8%					26,927		
	Chi tiêu Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển so với GRDP	%	35									35		
II	VỀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ/ TĂNG TRƯỞNG NGÀNH/LĨNH VỰC													
	Chi tiêu Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP - giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	55,500									55,500		
	Chi tiêu cơ cấu GRDP - giá hiện hành													
	<i>Nông - lâm - thủy sản</i>	%	24									24		
	<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	"	40									40		
	<i>Dịch vụ</i>	"	32									32		
	<i>Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm</i>	"	4									4		
III	CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN (giá so sánh 2010)													
	Chi tiêu Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản	Tỷ đồng	27,096		6,196.56		100.70%					27,096		

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Ước TH tháng 3/2019	Lũy kế Quý I năm 2019	Tháng 3/2019 so với tháng 3/2018	Lũy kế Quý I năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018	Dự kiến mục tiêu những Quý tiếp theo năm 2019				Ghi chú	
								Quý II	Quý III	Quý IV	Ước TH cả năm 2019		
IV	CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP												
	Chỉ tiêu Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	87,800		20,221.17		116.39%					87,800	
V	CÁC CHỈ TIÊU DỊCH VỤ												
	Chỉ tiêu Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ	Tỷ đồng	29,720		6,846.08		106.09%					29,720	
VI	VỀ XUẤT NHẬP KHẨU												
	Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	5,091.7		703.06		88.8%					5,091.7	
	Kim ngạch nhập khẩu	Tr.USD	3,630.9		750.07		119.2%					3,630.9	
VII	VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP												
1	Số doanh nghiệp đăng ký mới	d/nghiệp		50	152	125.0%	104.8%						
	+ Số vốn đăng ký mới	Tỷ đồng		482	1,680.6	80.1%	269.2%						
2	Thu hút đầu tư trong nước	Tỷ đồng	14,500		3,595.46								
	Trong đó: Số dự án được cấp GCN đầu tư	dự án	56		8								
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	14,000		3,859.3								
3	Thu hút đầu tư nước ngoài	Tr.USD	812		211.06								
	Trong đó: Số dự án được cấp GCN đầu tư	dự án	30	4.0	10								
	+ Vốn đăng ký	Tr.USD	490	19.8	116.30								
VIII	VỀ CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI												
	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	0.5									0.5	
	Số lao động có việc làm tăng thêm	người	17,000									17,000	
	Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	%	68									68	

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Ước TH tháng 3/2019	Lũy kế Quý I năm 2019	Tháng 3/2019 so với tháng 3/2018	Lũy kế Quý I năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018	Dự kiến mục tiêu những Quý tiếp theo năm 2019				Ước TH cả năm 2019	Ghi chú	
								Quý II	Quý III	Quý IV				
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	dưới 1											
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	11											
	Số bác sĩ, số giường bệnh bình quân trên vạn dân													
	- Số bác sĩ	bác sĩ	6.8											
	- Số giường bệnh viện	giường	21.0											
	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	85.5											
IX VỆ MÔI TRƯỜNG														
	Tỷ lệ hộ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	100											
	Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	97.9											
	Tỷ lệ che phủ của rừng (bao gồm độ che phủ của cây cao su)	%	42.3											
	<i>Trong đó: Tỷ lệ che phủ rừng (đã loại trừ cây cao su)</i>	%	16.3											
	Tỷ lệ các cơ sở y tế, khu công nghiệp, khu chế xuất xử lý chất thải rắn, nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	%	100											
	Tỷ lệ đô thị xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia													
	+ Chất thải rắn	%	100											
	+ Nước thải	%	22.22											

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Ước TH tháng 3/2019	Lũy kế Quý I năm 2019	Lũy kế Quý I năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018	Tháng 3/2019 so với tháng 3/2018	Lũy kế Quý I năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018	Dự kiến mục tiêu những Quý tiếp theo năm 2019				Ghi chú	
									Quý II	Quý III	Quý IV	Ước TH cả năm 2019		
	Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	%	100										100	